

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Lớp: S2...

Nghe HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....

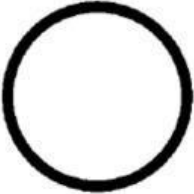
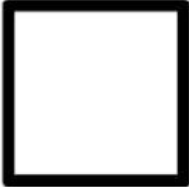


GE2 - Unit 5: Let's measure - Vocabulary 1 & Starters Listening

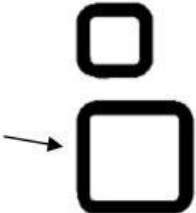
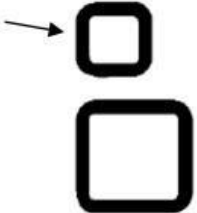
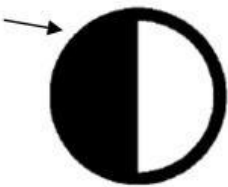
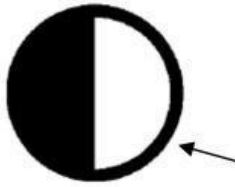
A. THEORY

I. VOCABULARY

❖ Shapes (Các hình dạng)

 circle (n) hình tròn	 square (n) hình vuông	 heart (n) hình trái tim
 triangle (n) hình tam giác	 star (n) hình ngôi sao	 rectangle (n) hình chữ nhật

❖ Adjectives (Các tính từ)

 big (adj) to, lớn	 little (adj) nhỏ	 black (adj) màu đen	 white (adj) màu trắng
--	---	---	--

❖ Structure

- Cách dùng: để **miêu tả 1 đồ vật** theo **kích thước – màu sắc – hình dạng**.

- Công thức:

It's a + size + color + shape.

- Ví dụ: It's a **big black circle**. (Đó là một hình tròn lớn màu đen.)

It's a **little white square**. (Đó là một hình vuông nhỏ màu trắng.)



II. STARTERS LISTENING

1. Extra vocabulary

❖ CLASSWORK

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	supper (n)	bữa ăn nhẹ vào buổi tối	3	bean (n)	hạt đậu (to, dài)
2	pea (n)	đậu Hà Lan (nhỏ, tròn)	4	French fries (n)	khoai tây chiên

❖ HOMEWORK

No.	Word	Meaning
1	toy (n)	đồ chơi

**Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

**Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Vocabulary và Extra vocabulary).*

2. Listen and tick (✓) the box. (Nghe và tích (✓) vào đáp án đúng.)

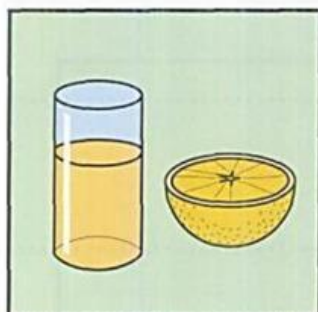
STARTERS PART 3 – 5 questions

Con làm bài nghe với link hoặc code sau:

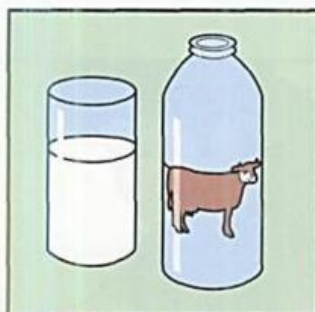
https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-3_test-1_part-03



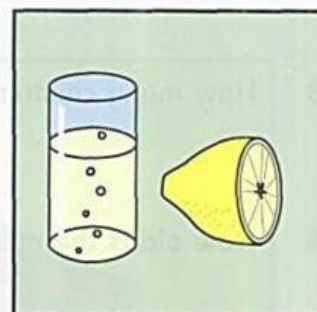
0. What's John drinking?



A ☐

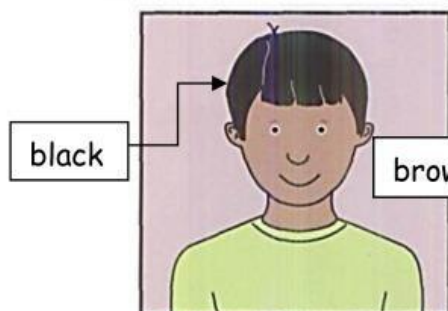


B ☒

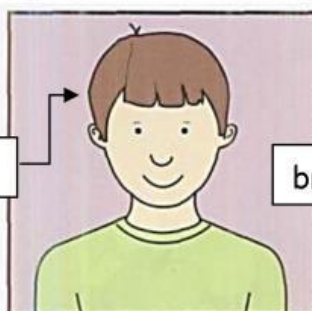


C ☐

1. Which boy is Sam?



A ☐

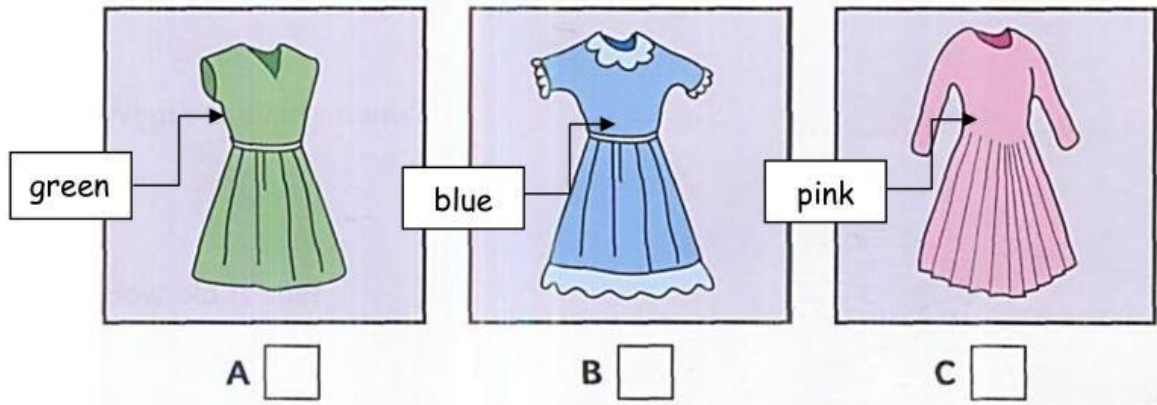


B ☐

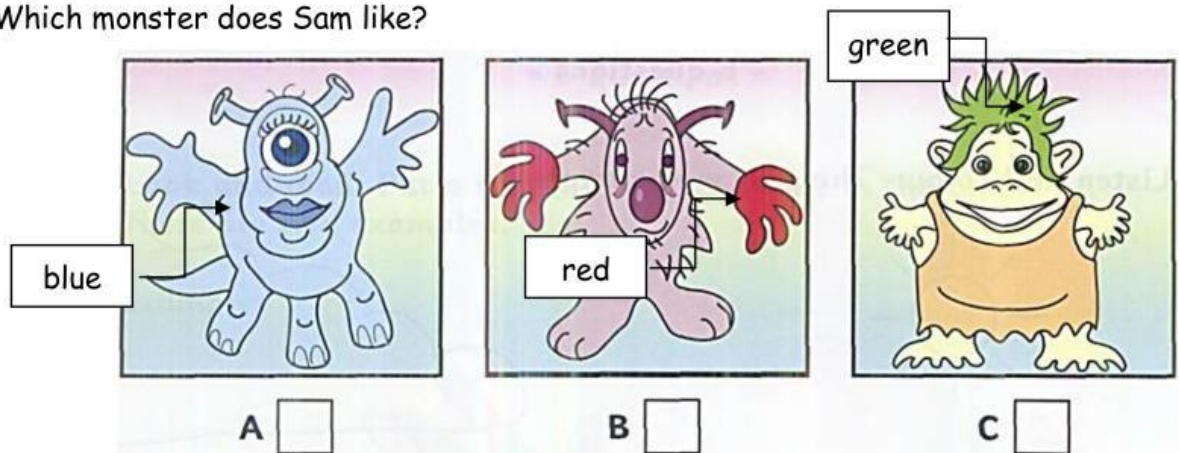


C ☐

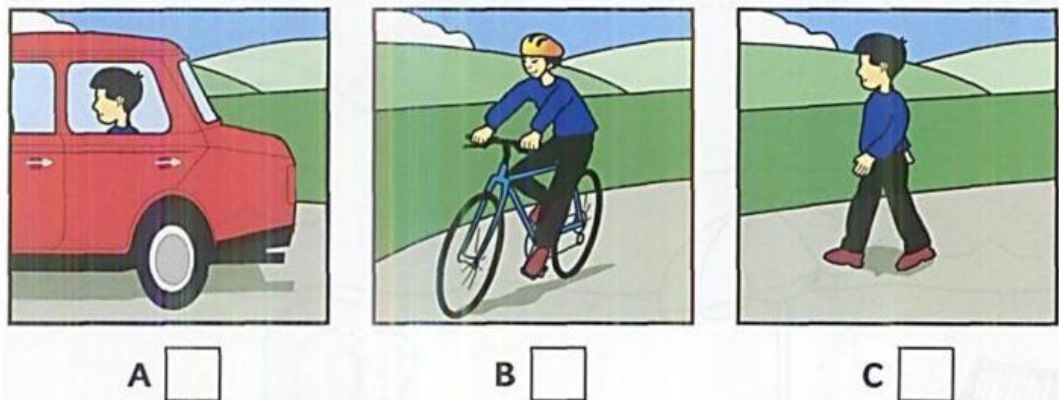
2. Which is Ann's new dress?



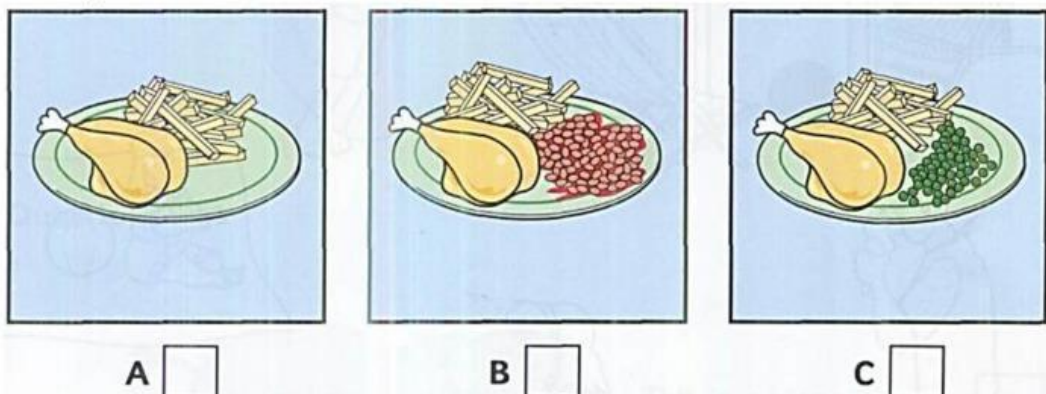
3. Which monster does Sam like?



4. How does Bill go to school?



5. What's for supper?



B. HOMEWORK (20 questions)

Exercise 1. Read and color the pictures. (Đọc và tô màu các bức tranh.)

0. His clock is a **big white circle**.



1. My bag is a **little red heart**.



2. The Christmas tree is a **big green triangle**.



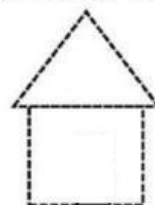
3. Her cookie is a **little brown square**.



4. The table is a **big black rectangle**.



5. A **big red triangle** and a **big blue square** make a house.



Exercise 2. Read the text. Write Yes or No. (Đọc đoạn. Viết Yes hoặc No.)

My name is Tom. I like learning about shapes at school.

We can see shapes all around us. We can cut our pizzas into triangles.

The clock on the wall is a circle.

My book and desk are rectangles.

The big black board and the small green box are squares.

I love learning about shapes.



0. Tom likes learning about shapes.

Yes

1. We can see shapes all around us.

.....

2. We can cut the pizzas into circles.

.....

3. The clock on the wall is a square.

.....

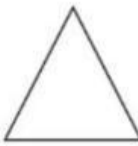
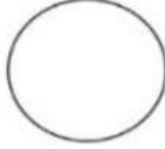
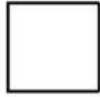
4. His book is a rectangle.

.....

5. The small green box is a circle.

.....

Exercise 3. Look at the chart. Color the shapes. (Nhìn vào bảng. Tô màu các hình.)

10 	20 	30 	40 	50 
60 	70 	80 	90 	100 

0. Color shape number **10 black**.

1. Color the **big heart red**.

2. Color the **little star yellow**.

3. Color shape number **60 green**.

4. Color the **big circle blue**.

5. Color the **little heart purple**.

Exercise 4. Look at the chart in Exercise 3. Circle the correct answers.

(Nhìn vào bảng ở bài 3. Khoanh tròn đáp án đúng.)

0. What is the shape number 10?

→ It's a **black little** / **little black** circle.

1. What is the shape number 20?

→ It's a **big red** / **red big** heart.

2. What is the shape number 40?

→ It's a **little purple** / **purple little** heart.

3. What is the shape number 60?

→ It's a **green little** / **little green** triangle.

4. What is the shape number 80?

→ It's a **yellow little** / **little yellow** star.

5. What is the shape number 90?

→ It's a **big blue** circle / **blue circle** big.

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

StarLink

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-3_test-2_part-3

STARTERS PART 3 – 5 questions

Listen and tick (✓) the box.



0. What's Sue doing?



A ☒

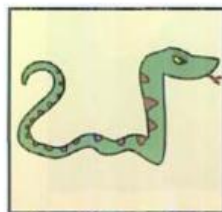


B ☐



C ☐

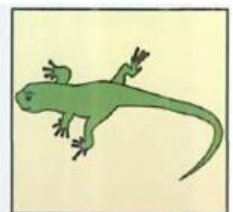
1. What's Tom's favourite animal?



A ☐



B ☐



C ☐

2. Where's the baby?



A ☐

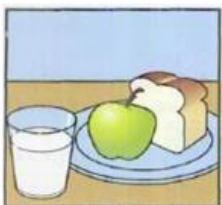


B ☐

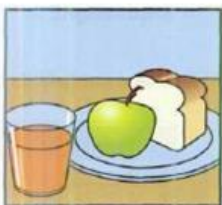


C ☐

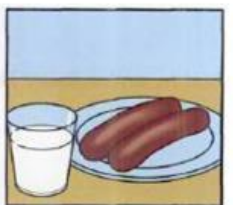
3. What's Ben having for lunch?



A ☐

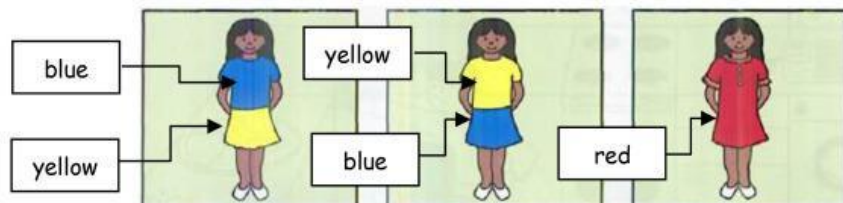


B ☐



C ☐

4. Which girl is Kim?



A ☐

B ☐

C ☐

5. What does Nick want for his birthday?



A ☐



B ☐



C ☐